TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Viết Vĩnh

2. Bà Thân Thị Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L, sinh năm 1995

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Tạ Văn C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Chị Lâm Thị L trình bày: Chị và anh Tạ Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2018. Có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong

tục địa phương. Sau khi cưới chị về nhà anh C làm dâu, chung sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến tháng 10/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tạ Anh T, sinh ngày 06/12/2018 và Tạ Ngọc H, sinh ngày 22/11/2020. Hiện nay các con còn quá nhỏ nên khi ly hôn chị muốn nuôi cả hai con chung, nếu anh C không nhất trí thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Hạ vì cháu còn quá nhỏ, lại là con gái, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang kinh doanh bán quần áo online, thu nhập mỗi ngày trung bình khoảng 500 nghìn đồng, chị đang sống cùng bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa, có chỗ ở ổn định nên có thể đảm bảo được cuộc sống của con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Tạ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, trước khi cưới có tìm hiểu nhau, lấy nhau trên cở sở tự nguyện. Sau khi cưới chị L về nhà anh làm dâu, sống chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng sau đó vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị L đã về bên ngoại ở từ tháng 10/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tạ Anh T, sinh ngày 06/12/2018 và Tạ Ngọc H, sinh ngày 22/11/2020. Khi ly hôn, vào thời điểm này anh có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi cả hai con, anh không đồng ý giao con cho chị L nuôi, anh không muốn chia tách các con, sau này các con

lớn anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của các con. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay đang làm nhà thầu về lắp đặt điều hòa công nghiệp tại các nhà máy, thu nhập trung bình từ 12 – 13 triệu đồng trên tháng, anh có chỗ ở ổn định, có thể đảm bảo cuộc sống của các con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2018 ngày 16/5/2018. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tạ Văn C có nơi cư trú tại xóm B, xã N, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do Chị Lâm Thị L xin ly hôn với anh Tạ Văn C là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc

sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021. Anh C cũng thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp,thường xuyên cãi chửi nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả chị L và anh C đều xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay chị L đề nghị ly hôn, anh C cũng nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, Phía chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả cháu Tú và cháu Hạ, trường hợp anh C không nhất trí thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tạ Ngọc H, sinh ngày 22/11/2020 và đồng ý giao cháu Tạ Anh T, sinh ngày 06/12/2018 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu Tú và Hạ, không đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hạ còn quá nhỏ (Cháu Hạ sinh ngày 22/11/2020, tính đến thời điểm xét xử cháu Hạ mới được 01 tuổi, 03 tháng, 03 ngày, dưới 36 tháng tuổi), cháu Hạ lại là con gái, nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu được nuôi con chung là cháu Tạ Ngọc H của chị L phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Do vậy, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu Tạ Ngọc H, sinh ngày 22/11/2020, anh C trực tiếp nuôi cháu Tạ Anh T, sinh ngày 06/12/2018 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị L và anh C, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về Tài sản chung: Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về công nợ chung: Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Lâm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4]. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Lâm Thị L:

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lâm Thị L được ly hôn anh Tạ Văn C.

Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Lâm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Ngọc H, sinh ngày 22/11/2020; anh Tạ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Anh T, sinh ngày

06/12/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị L và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị L và anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về Tài sản chung: Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Lâm Thị L và anh Tạ Văn C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lâm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002585 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử công khai, có mặt Nguyên đơn (Chị Lâm Thị L), Bị đơn (anh Tạ Văn C), báo cho những người này biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy